BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2014/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu.

Trường hợp Việt Nam ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về kiểm dịch thực vật có quy định khác thì việc kiểm dịch thực vật thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sau đây gọi là vật thể) tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhập khẩu: bao gồm các hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái nhập lô vật thể, chuyển cửa khẩu và chuyển vào kho ngoại quan.

2. Xuất khẩu: bao gồm các hoạt động xuất khẩu, tạm xuất, tái xuất khẩu lô vật thể.

3. Lô vật thể: là một lượng nhất định của vật thể có các điều kiện và yếu tố giống nhau về khả năng nhiễm dịch.

4. Cơ quan kiểm dịch thực vật bao gồm các chi cục kiểm dịch thực vật vùng, các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu.

Điều 4. Yêu cầu chung về kiểm dịch thực vật

1. Kiểm tra nhanh chóng, phát hiện chính xác đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam và sinh vật gây hại lạ trên vật thể nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu.

2. Quyết định biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời đối với vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam và sinh vật gây hại lạ.

Điều 5. Phí và lệ phí

Chủ vật thể phải nộp phí, lệ phí kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Điều 6. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu

1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao chụp hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu.

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

3. Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu (trường hợp quy định phải có Giấy phép).

Điều 7. Trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu tại cơ quan kiểm dịch thực vật.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Kiểm tra vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở; khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp; thu thập côn trùng bay, bò hoặc bám bên ngoài lô vật thể;

b) Kiểm tra chi tiết

Kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo quy định tại QCVN 01-141:2013/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật; thu thập các vật thể mang triệu chứng gây hại và sinh vật gây hại; phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

a) Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch biết.

b) Trường hợp phát hiện lô vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật phù hợp theo quy định;

c) Trường hợp lô vật thể được vận chuyển bằng tàu biển có chiều cao khoang chứa hàng từ 3m trở lên, phải chia thành nhiều lớp để kiểm tra thì sau khi kiểm tra mỗi lớp, căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật cho khối lượng vật thể đã kiểm tra (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này);

Sau khi có Giấy tạm cấp kết quả, lô hàng được phép vận chuyển về kho bảo quản và chỉ được đưa ra sản xuất, kinh doanh sau khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa. Căn cứ kết quả kiểm tra toàn bộ lô vật thể, cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

Điều 8. Thông báo kiểm dịch thực vật

1. Thông báo cho nước xuất khẩu

Cục bảo vệ thực vật thông báo cho cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của nước xuất khẩu trong các trường hợp sau:

a) Vật thể nhập khẩu bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ và biện pháp kiểm dịch thực vật được áp dụng để xử lý;

b) Vật thể nhập khẩu chưa được phép nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Vật thể nhập khẩu không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;

d) Vật thể nhập khẩu vi phạm các quy định khác về kiểm dịch thực vật nhập khẩu của Việt Nam.

2. Thông báo cho chủ vật thể và cơ quan khác có liên quan

Cơ quan kiểm dịch thực vật thông báo cho chủ vật thể hoặc cơ quan khác có liên quan trong những trường hợp sau:

a) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Lô vật thể là giống cây trồng hoặc sinh vật có ích.

Chương III
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU

Điều 9. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu

1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu (trong trường hợp tái xuất khẩu).

Điều 10. Trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu

1. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.

3. Kiểm tra vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm kiểm dịch tại cơ sở sản xuất, nơi xuất phát, nơi bảo quản ở sâu trong nội địa hoặc cửa khẩu xuất và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể.

Việc kiểm tra lô vật thể được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư này.

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

a) Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu (Theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này) cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật biết.

b) Trường hợp phát hiện lô vật thể không đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu thì Cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đồng thời phải thông báo cho chủ vật thể biết.

Chương IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT QUÁ CẢNH

Điều 11. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật quá cảnh

1. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao chụp hoặc bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do nước xuất khẩu cấp.

Trường hợp chủ vật thể nộp bản sao chụp thì phải nộp bản chính trước khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể.

3. Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

Điều 12. Trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật quá cảnh

1. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật nhập khẩu tại cơ quan kiểm dịch thực vật.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.

3. Kiểm tra vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở, khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp; thu thập côn trùng bay, bò hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

b) Kiểm tra chi tiết

Kiểm tra tình trạng bao gói và độ nguyên vẹn của lô hàng; phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

Trường hợp tình trạng bao gói của lô vật thể không đảm bảo thì chủ vật thể phải bao gói lại.

4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

a) Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật quá cảnh;

b) Trường hợp phát hiện lô vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định áp dụng các biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật phù hợp theo quy định.

Chương V
KIỂM DỊCH THỰC VẬT SAU NHẬP KHẨU

Điều 13. Vật thể phải thực hiện kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

1. Hom giống, cây giống, củ giống, cành ghép và mắt ghép quy định phải qua kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu theo kết quả phân tích nguy cơ dịch hại.

2. Sinh vật có ích.

Điều 14. Số lượng nhập khẩu để thực hiện kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

1. Hom, chồi giống, cây, củ: từ 30 đến 50 cá thể.

2. Cành, mắt ghép: từ 10 đến 20 cành.

3. Sinh vật có ích: Số lượng được quy định cụ thể trong báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại.

Điều 15. Nội dung kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

1. Đối với giống cây trồng:

Kiểm tra sinh vật gây hại tiềm ẩn được xác định trong báo cáo phân tích nguy cơ dịch hại.

2. Đối với sinh vật có ích:

Kiểm tra độ thuần, tính chuyên tính ký chủ trong khu nhân nuôi cách ly. Đối với côn trùng, nhện có ích còn kiểm tra thêm chỉ tiêu về ký sinh bậc 2.

Điều 16. Quy trình kiểm tra sau nhập khẩu trong khu cách ly

1. Kiểm tra ban đầu

Kiểm tra sơ bộ tình trạng của lô vật thể; ghi sổ các thông tin liên quan.

2. Kiểm tra lô vật thể

a) Đối với giống cây trồng

Toàn bộ lô vật thể được gieo trồng trong khu cách ly kiểm dịch thực vật. Điều kiện khu cách ly thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Áp dụng phương pháp chăm sóc phù hợp đối với từng loại giống đảm bảo cây phát triển tốt và tạo điều kiện thuận lợi nhất để sinh vật gây hại biểu hiện triệu chứng;

Kiểm tra định kỳ và đột xuất tất cả số cây được gieo trồng;

Thu thập các mẫu cây có biểu hiện bất thường, mẫu sinh vật gây hại, triệu chứng gây hại để giám định tác nhân gây bệnh trong phòng thí nghiệm.

b) Đối với sinh vật có ích

Kiểm tra toàn bộ số cá thể để đánh giá độ thuần;

Kiểm tra, xác định tính chuyên tính ký chủ của lô vật thể;

Đối với côn trùng, nhện có ích: kiểm tra, theo dõi hàng ngày tình trạng lô vật thể, thu thập các cá thể bị chết để kiểm tra ký sinh bậc 2.

3. Kết quả kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu

Khi hết thời gian theo dõi theo quy định, cơ quan kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu báo cáo kết quả kiểm tra để Cục Bảo vệ thực vật xem xét, quyết định.

Điều 17. Thời gian kiểm tra theo dõi

Thời gian kiểm tra, theo dõi kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu đối với từng loại giống cây trồng và sinh vật có ích như sau:

1. Chồi, hom, cành, mắt ghép: từ 1 đến 2 năm.

2. Cây: từ 6 đến 12 tháng.

3. Củ giống: 1 chu kỳ sinh trưởng.

4. Sinh vật có ích: Ít nhất một thế hệ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm của Cục Bảo vệ thực vật

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan kiểm dịch thực vật thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Thông báo cho nước xuất khẩu trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định tại Thông tư này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm của Cơ quan kiểm dịch thực vật

1. Thực hiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra lô vật thể, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và thực hiện các nghiệp vụ kiểm dịch thực vật khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Thực hiện việc lưu mẫu, gửi mẫu, vận chuyển mẫu và hủy mẫu vật thể hoặc mẫu sinh vật gây hại; lập và lưu giữ hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo quy định hiện hành.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thay thế Thông tư số 65/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. Bãi bỏ mẫu giấy 3,7,8,9,10,11 tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật) để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

Phụ lục I: Mẫu giấy đăng ký kiểm dịch thực vật

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... *ngày*..... *tháng*..... *năm*.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT (*)

Kính gửi:..... ..... (**).....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax/E-mail:..... .....

Số Giấy CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng nhập khẩu sau (***):

1. Tên hàng:..... Tên khoa học: .....
   Cơ sở sản xuất: .....
   Mã số *(nếu có)*:..... .....
   Địa chỉ: .....
2. Số lượng và loại bao bì:.....
3. Khối lượng tịnh:..... Khối lượng cả bì:.....
4. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr...)*:..... .....
5. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu: .....
   Địa chỉ:..... .....
6. Nước xuất khẩu:..... .....
7. Cửa khẩu xuất:.....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
   Địa chỉ:..... .....
9. Cửa khẩu nhập: .....
10. Phương tiện vận chuyển: .....
11. Mục đích sử dụng: .....
12. Giấy phép kiểm dịch nhập khẩu *(nếu có)*:.....
13. Địa điểm kiểm dịch: .....
14. Thời gian kiểm dịch:.....
15. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:.....
16. Nơi hàng đến: .....

Chúng tôi xin cam kết: Bảo quản nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

Tổ chức cá nhân đăng ký

(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Xác nhận của Cơ quan Kiểm dịch

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi..... giờ ngày..... tháng..... năm.....
Lô hàng chỉ được thông quan sau khi có Giấy chứng nhận kiểm dịch

Vào sổ số....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(*).....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ quan Hải quan

(trong trường hợp lô hàng không được phép nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do:.....
.....

....., ngày.... tháng... năm....

Chi cục Hải quan cửa khẩu.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

Phụ lục II: Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(TÊN CƠ QUAN KDTV)	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

Số:...../KDTV

Cấp cho: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

☐ Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số..... ngày...../...../..... ;
☐ Giấy đăng ký KDTV; ☐ Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
☐ Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;
☐ Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;
☐ Căn cứ khác:.....

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây:. .....
Số lượng: .....
Khối lượng:..... (*viết bằng chữ*).....
Phương tiện vận chuyển:.....
Nơi đi: .....
Nơi đến:.....

☐ Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam;
☐ Phát hiện loài..... là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;
☐ Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử ký đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;
☐ Lô vật thể trên được phép chở tới:.....

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

☐ Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;
☐ Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam
☐ Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam *(trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng, ☐);*
☐ Điều kiện khác:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: **Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV**

Phụ lục III: Mẫu giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **(TÊN CƠ QUAN KDTV)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY TẠM CẤP KẾT QUẢ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Số:...../ KDTV

Cấp cho: .....

Địa chỉ: .....

Tên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật: .....

Số lượng:..... (viết bằng chữ).....

Khối lượng:..... (viết bằng chữ).....

.....

Địa điểm để hàng:..... .....

Ngày kiểm tra:.....

Kết quả kiểm dịch thực vật (KDTV): .....

1. Vật thể nhập khẩu:

☐ Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể được phép bốc dỡ và vận chuyển đến..... .....; Trong quá trình bốc dỡ và vận chuyển, nếu phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể phải thực hiện ngay các biện pháp xử lý theo quy định về KDTV;

☐ Kiểm tra bên ngoài lô hàng, chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể được phép vận chuyển đến..... Chủ vật thể phải báo ngay cho Chi cục KDTV vùng..... để hoàn tất thủ tục KDTV;

2. Vật thể xuất khẩu:

☐ Lô vật thể đã được kiểm dịch và đủ điều kiện xuất khẩu;

☐ Được phép vận chuyển lên tàu.

Chủ vật thể phải nộp Giấy chứng nhận KDTV chính thức cho cơ quan Hải quan để thay thế cho Giấy tạm cấp này ngay sau khi được cơ quan KDTV cấp.

3. Có giá trị từ ngày ___ / ___ / _____ đến ngày___ / ___ / _____

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV: Mẫu giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU/TÁI XUẤT KHẨU

Kính gửi: .....

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại:..... Fax/E-mail:.....
Số Giấy CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng xuất khẩu sau:
1. Tên hàng:..... Tên khoa học:.....
Cơ sở sản xuất:.....
Mã số *(nếu có):* .....
Địa chỉ:.....
2. Số lượng và loại bao bì: .....
3. Khối lượng tịnh:..... Khối lượng cả bì:.....
4. Ký mã hiệu, số hợp đồng hoặc LC:.....
5. Phương tiện chuyên chở:.....
6. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:..... .....
Địa chỉ:.....
7. Cửa khẩu xuất:..... .....
8. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: .....
Địa chỉ:.....
9. Cửa khẩu nhập: .....
10. Nước nhập khẩu:.....
11. Mục đích sử dụng:.....
12. Địa điểm kiểm dịch:.....
13. Thời gian kiểm dịch: .....
14. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):.....
.....
Số bản giấy chứng nhận KDTV cần cấp:..... bản chính;..... bản sao.....
Vào sổ số:..... ngày...../...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký	**Tổ chức, cá nhân đăng ký**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục V: Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

sample

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE-FREEDOM-HAPPINESS	CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT - PLANT PROTECTION DEPARTMENT

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
PHYTOSANITARY CERTIFICATE

Gửi : Cơ quan Bảo vệ thực vật nước
TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF

Số (NO) .....

DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)

1. **Tên và địa chỉ người xuất khẩu:** NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :	5. **Nơi sản xuất:** PLACE OF ORIGIN :
	6. **Phương tiện chuyên chở:** DECLARED MEANS OF CONVEYANCE :
2. **Tên và địa chỉ người nhận:** DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :	7. **Cửa khẩu nhập:** DECLARED POINT OF ENTRY :
	8. **Tên và khối lượng sản phẩm:** NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED :
3. **Số lượng và loại bao bì:** NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :	
	9. **Tên khoa học của thực vật:** BOTANICAL NAME OF PLANTS :
4. **Ký, mã hiệu:** DISTINGUISHING MARKS :	

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khác nêu trên đã được kiểm tra và/hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu cũng như phù hợp với yêu cầu kiểm dịch thực vật hiện hành của nước nhập khẩu.

This is to certify that the plants, plant products or other regulated articles described herein have been inspected and/or tested according to appropriate official procedures and are considered to be free from the quarantine pests, specified by the importing contracting party and to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party.

KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)

XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)

10. **Ngày** (DATE)	12. **Tên thuốc** *(hoạt chất)*: CHEMICAL (active ingredient)	14. **Thời gian và nhiệt độ** : DURATION AND TEMPERATURE
11. **Phương pháp xử lý** (TREATMENT)	13. **Nồng độ** (CONCENTRATION)	15. **Thông tin thêm** (ADDITIONAL INFORMATION)
16. **Dấu của cơ quan** STAMP OF ORGANIZATION SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM - PLANT QUARANTINE SERVICE	17. **Nơi cấp giấy:** PLACE OF ISSUE 18. **Ngày cấp:** DATE ISSUED	19. **Tên, chữ ký của cán bộ Kiểm dịch thực vật có thẩm quyền** NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER

Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này.
No financial liability with respect to this certificate shall attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.

Phụ lục VI: Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MINISTRY OF AGRICULTURE & RURAL DEVELOPMENT CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT PLANT PROTECTION DEPARTMENT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Independence - Freedom - Happiness	CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT * PLANT PROTECTION DEPARTMENT *

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT TÁI XUẤT KHẨU
PHYTOSANITARY CERTIFICATE FOR RE-EXPORT

Gửi: Cơ quan Bảo vệ thực vật nước
TO : THE PLANT PROTECTION ORGANIZATION(S) OF

Số (No.): .....

DIỄN GIẢI VỀ LÔ HÀNG (DESCRIPTION OF CONSIGNMENT)

1. Tên và địa chỉ người xuất khẩu: NAME AND ADDRESS OF THE EXPORTER :	**5. Nơi sản xuất:** PLACE OF ORIGIN : **6. Phương tiện chuyên chở:** DECLARED MEANS OF CONVEYANCE
2. Tên và địa chỉ người nhận: DECLARED NAME AND ADDRESS OF THE CONSIGNEE :	**7. Cửa khẩu nhập:** DECLARED POINT OF ENTRY : **8.Tên và khối lượng sản phẩm:** NAME OF PRODUCE AND QUANTITY DECLARED:
3. Số lượng và loại bao bì NUMBER AND DESCRIPTION OF PACKAGES :	
4. Ký, mã hiệu: DISTINGUISHING MARKS :	**9. Tên khoa học của thực vật:** BOTANICAL NAME OF PLANTS:

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (KDTV) nêu trên được nhập khẩu vào Việt Nam từ nước *(This is to certify that the plants, plant products described above were imported into Vietnam from)*……..với Giấy chứng nhận KDTV số *(covered by Phytosanitary Certificate No)*……., bản gốc *(original)*☐ bản sao *(certified true copy)* ☐ gửi kèm theo giấy chứng nhận này *(of which is attached to this certificate)*; rằng chúng đã được đóng gói *(that they are packed)* ☐ đóng gói lại *(repacked)* ☐ giữ nguyên bao bì gốc *(in original)* ☐ bao bì mới *(new container)*☐, trên cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc *(that based on original phytosanitary certificate)* ☐ và kiểm tra bổ sung *(and additional inspection)*☐ , được coi là phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu, và trong thời gian bảo quản tại Việt Nam, lô hàng này không bị lây nhiễm sinh vật gây hại *(they are considered to conform with the current phytosanitary requirements of the importing contracting party, and that during storage in Vietnam, the consignment has not been subjected to risk of infestation or infection).*

KHAI BÁO BỔ SUNG (ADDITIONAL DECLARATION)

XỬ LÝ (DISINFESTATION AND / OR DISINFECTION TREATMENT)

10. Ngày DATE	**12. Tên thuốc *(hoạt chất)*:** CHEMICAL *(active ingredient)*	**14. Thời gian và nhiệt độ** DURATION AND TEMPERATURE
11. Phương pháp xử lý (TREATMENT)	**13. Nồng độ** (CONCENTRATION)	**15. Thông tin thêm** (ADDITIONAL INFORMATION)
16. Dấu của cơ quan STAMP OF ORGANIZATION	**17. Nơi cấp giấy** PLACE OF ISSUE **18. Ngày cấp** DATE ISSUED	**19. Tên, chữ ký của cán bộ kiểm dịch thực vật có thẩm quyền** NAME AND SIGNATURE OF AUTHORIZED OFFICER

Cục Bảo vệ thực vật hoặc viên chức Kiểm dịch thực vật của Việt Nam không có trách nhiệm nào về mặt tài chính liên quan đến giấy chứng nhận này.
No financial liability with respect to this certificate attach to Plant Protection Department of Vietnam or to any of its officers or representatives.